



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 45

C
ÁC
M
V
/

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Cotana (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thu Thủy	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Năm	Thành viên
Ông Đoàn Văn Tuấn	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Đoàn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Phó Tổng giám đốc kinh tế
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc phụ trách nhân sự
Ông Trần Quang Quyền	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Hoàng Long	Phó Tổng giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01/06/2020 và miễn nhiệm ngày 21/12/2020)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

22
NG
HIỆM
N V
T I
V -

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Đinh Thị Minh Hằng
Phó Tổng giám đốc
(Theo giấy ủy quyền số 04/2021/UQ-CNG ngày 02/01/2021)
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Số: 157-21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Tập đoàn Cotana

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Tập đoàn Cotana (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18/03/2021, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Quốc Tuấn

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2018-034-1

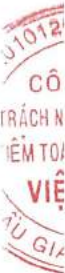
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Bùi Văn Quang

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4403-2018-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		497.305.503.189	519.910.099.740
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		71.588.812.721	40.728.524.596
1. Tiền	111	V.1.	71.588.812.721	40.728.524.596
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	16.200	25.000.016.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121		60.428	60.428
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(44.228)	(44.228)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	25.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		393.356.737.591	421.581.911.732
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	237.338.407.736	369.316.758.090
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	4.282.524.294	4.356.482.625
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		100.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	62.828.062.890	55.700.617.744
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.092.257.329)	(7.791.946.727)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8.	28.600.936.397	32.438.095.830
1. Hàng tồn kho	141		28.600.936.397	32.438.095.830
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.759.000.280	161.551.382
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.008.611.581	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	2.750.388.699	161.551.382
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		174.186.112.900	155.632.948.827
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.390.990.438	1.390.990.438
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	1.390.990.438	1.390.990.438
II. Tài sản cố định	220		40.435.076.482	43.414.689.577
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	37.200.045.955	40.261.189.578
- Nguyên giá	222		68.034.481.167	67.966.299.349
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.834.435.212)	(27.705.109.771)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11.	3.235.030.527	3.153.499.999
- Nguyên giá	228		3.297.468.989	3.211.243.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(62.438.462)	(57.743.990)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	131.696.638.784	108.589.455.529
1. Đầu tư vào công ty con	251		123.220.877.444	95.726.493.495
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12.763.778.500	13.163.778.500
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.239.830.148	9.639.830.148
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.527.847.308)	(10.780.646.614)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	840.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		663.407.196	2.237.813.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	663.407.196	2.237.813.283
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		671.491.616.089	675.543.048.567

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		394.335.898.636	413.976.270.658
I. Nợ ngắn hạn	310		351.143.407.305	369.070.582.957
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	127.230.141.580	196.175.444.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	74.009.819.178	80.638.866
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	2.387.294.989	4.902.853.379
4. Phải trả người lao động	314		1.793.160.157	10.691.086.999
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	9.488.800.031	15.690.380.248
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	1.232.659.916	106.856.877
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	47.986.836.138	52.795.315.751
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.	80.498.532.756	85.764.252.848
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.516.162.560	2.863.753.609
II. Nợ dài hạn	330		43.192.491.331	44.905.687.701
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17.	20.367.948.143	21.251.478.088
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	10.241.278.797	10.241.278.797
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.	12.583.264.391	13.412.930.816
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		277.155.717.453	261.566.777.909
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	277.155.717.453	261.566.777.909
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.248.690.000	205.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.248.690.000	205.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		509.724.891	511.034.891
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.718.980.058	6.882.569.627
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.678.322.504	49.173.173.391
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		31.251.662.529	10.809.069.080
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		19.426.659.975	38.364.104.311
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		671.491.616.089	675.543.048.567

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Trần Thị Yến

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 04/2021/UQ-CNG)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	167.801.580.815	515.166.609.478
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		167.801.580.815	515.166.609.478
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	158.411.011.179	480.430.948.901
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.390.569.636	34.735.660.577
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	35.613.484.831	32.595.738.633
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	7.879.602.116	8.060.881.538
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.132.401.422	6.708.914.776
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	15.674.058.825	17.743.904.155
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		21.450.393.526	41.526.613.517
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	9.521	512.383
12. Chi phí khác	32	VI.6.	3.318.604	264.902.988
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(3.309.083)	(264.390.605)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21.447.084.443	41.262.222.912
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	2.020.424.468	2.898.118.601
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19.426.659.975	38.364.104.311

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc





Trần Thị Yến

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 04/2021/UQ-CNG)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.447.084.443	41.262.222.912
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.134.019.913	3.216.208.118
- Các khoản dự phòng	03		5.047.511.296	1.324.256.915
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(35.613.484.831)	(32.538.982.786)
- Chi phí lãi vay	06		6.132.401.422	6.708.914.776
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		147.532.243	19.972.619.935
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		121.327.414.641	(89.057.214.673)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.837.159.433	(14.819.491.662)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(17.932.902.878)	59.813.053.809
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.574.406.087	1.555.125.481
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.214.014.961)	(6.585.925.641)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.203.302.507)	(8.731.930.278)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(185.311.480)	(2.435.997.934)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		101.350.980.578	(40.289.760.963)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(154.406.818)	(2.369.455.182)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.840.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.494.383.949)	(56.207.567.994)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		28.800.000.000	43.244.153
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.613.484.831	31.426.657.242
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(64.395.305.936)	(27.107.121.781)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		138.423.680.832	243.008.640.936
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(144.519.067.349)	(207.345.697.891)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(24.174.872.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.095.386.517)	11.488.070.945

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		30.860.288.125	(55.908.811.799)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		40.728.524.596	96.637.336.395
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	71.588.812.721	40.728.524.596

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu



Trần Thị Yên

Kế toán trưởng



Trần Trọng Đại



Phó Tổng giám đốc

Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 04/2021/UQ-CNG)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam được thành lập ngày 01/06/1993 theo Quyết định số 2162/QĐ-UB của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003621 ngày 04/02/2004 (đăng ký lần đầu) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 31/8/2017, Công ty đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn Cotana theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-CNG của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam. Công ty có 20 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101482984 thay đổi lần thứ 20 ngày 14/09/2020 về tăng vốn điều lệ và tổng số cổ phần lưu hành thì vốn điều lệ của Công ty là **215.248.690.000 đồng** (Hai trăm mười lăm tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng), tổng số cổ phần lưu hành là 21.524.869 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CSC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sản giao dịch bất động sản; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa; Kinh doanh bất động sản;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt điện nước, điện lạnh, trang trí nội ngoại thất công trình;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Trụ sở Công ty tại: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt tại Việt Nam có quy định cách ly xã hội từ ngày 01/04/2020 đến ngày 22/04/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ sau đó dịch bệnh vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Việt Nam, nhân viên Công ty phải nghỉ việc, ảnh hưởng đến năng suất lao động toàn Công ty, nhiều công trình xây dựng do Công ty nhận thầu bị chậm trễ tiến độ dẫn đến sự sụt giảm đáng kể về doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Cấu trúc doanh nghiệp****Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1.	Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	51%	51%
2.	Công ty CP Xây dựng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	51%	51%
3.	Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	51%	51%
4.	Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	52,53%	52,53%
5.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản COTANA CAPITAL (*)	Tầng 6 - Tòa nhà HCC - Số 28 Lý Thường Kiệt, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	77,29%	84,95%

(*) Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 77,29%, trong đó: Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 69,23%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana là 1,58%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 2,56%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng Cotana là 1,36% và tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana là 2,56%..

(*) Quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 84,95%, trong đó: Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 69,23%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana là 3%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 5%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng Cotana là 2,68% và quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana là 5%.

Danh sách các công ty liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.	Công ty TNHH Kính Thành Nam	KCN Tiên Sơn, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất kính	25,88%	25,88%
2.	Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng	46,48%	46,48%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

3.	Công ty TNHH BMS Thành Nam	Cụm CN Ngọc Liệp, xã Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	Sản xuất cốt thép	25,09%	25,09%
4.	Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	Kiến trúc cảnh quan	20,68%	20,68%

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập

Công ty có 01 chi nhánh là Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana, địa chỉ tại số 2-4-6 đường số 7, khu dân cư Conic, đường Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở, mục đích lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của văn phòng Công ty chưa bao gồm số liệu của chi nhánh Công ty. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết tại Thuyết minh số I.6) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

2. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Trường hợp chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch hoặc đã niêm yết trên thị trường mà không có giá giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch thì việc xác định mức trích lập dự phòng tương tự như trường hợp đầu tư vào các đơn vị kinh tế khác

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ và lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc

15 – 49

- Máy móc thiết bị

06 – 10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

- Phương tiện vận tải	06 – 07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
- Tài sản cố định khác	03

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và quyền sử dụng đất không thời hạn.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Riêng quyền sử dụng đất không xác định thời gian sử dụng không được trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là các khoản chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn..

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước lãi vay phải trả và các khoản trích trước khối lượng hoàn thành, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty trong kỳ kế toán là khoản doanh thu nhận trước tiền của khách hàng đã ứng trước cho một hoặc nhiều kỳ về thuê văn phòng tại tòa nhà Cotana, Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây dựng, cho thuê thiết bị, văn phòng, doanh thu cung cấp dịch vụ khác và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, cổ tức.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- + Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- + Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào Chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu từ chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận trên giá bán trừ đi giá gốc và các chi phí khác nếu có.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền		
Tiền mặt	164.028.162	649.389.619
Tiền gửi ngân hàng	71.424.784.559	40.079.134.977
Cộng	71.588.812.721	40.728.524.596

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2020			01/01/2020			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Tổng giá trị cổ phiếu	60.428	13.500	(44.228)	60.428	12.150	(44.228)	
GTA: Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	60.428	13.500	(44.228)	60.428	12.150	(44.228)	
Cộng	60.428	13.500	(44.228)	60.428	12.150	(44.228)	

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số	
b1) Ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000	
b2) Dài hạn					
Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm	-	-	840.000.000	840.000.000	
Cộng	-	-	25.840.000.000	25.840.000.000	

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số
Đầu tư vào công ty con	123.220.877.444	(9.741.766.021)	113.479.111.423	95.726.493.495	(7.846.633.983)	87.879.859.512
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	6.781.860.332	(4.036.924.688)	2.744.935.644	6.781.860.332	(4.525.399.814)	2.256.460.518

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty CP Xây dựng Cotana (1)	5.100.000.000	(3.184.380.683)	1.915.619.317	2.605.616.051	(2.605.616.051)	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	4.335.000.000	-	4.335.000.000	4.335.000.000	-	4.335.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital (2)	103.500.000.000	(2.520.460.650)	100.979.539.350	78.500.000.000	(715.618.118)	77.784.381.882
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại	3.504.017.112	-	3.504.017.112	3.504.017.112	-	3.504.017.112
Đầu tư vào công ty liên kết	12.763.778.500	(2.331.402.515)	10.432.375.985	13.163.778.500	(2.315.053.784)	10.848.724.716
Công ty TNHH Kinh Thành Nam	2.070.000.000	(737.955.874)	1.332.044.126	2.070.000.000	(737.955.874)	1.332.044.126
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam (6)	-	-	-	400.000.000	-	400.000.000
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	5.781.900.000	-	5.781.900.000	5.781.900.000	-	5.781.900.000
Công ty TNHH BMS Thành Nam	4.311.878.500	(1.593.446.641)	2.718.431.859	4.311.878.500	(1.577.097.910)	2.734.780.590
Công ty CP Kiến trúc và Cảnh quan Cotana	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	8.239.830.148	(454.678.772)	7.785.151.376	9.639.830.148	(618.958.847)	9.020.871.301
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Kinh Đô	59.360.200	-	59.360.200	59.360.200	-	59.360.200
Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu Thành Nam	550.000.000	(46.694.930)	503.305.070	550.000.000	(46.694.930)	503.305.070
Công ty CP Đầu tư phát triển bất động sản Hudland (3)	3.147.000.000	-	3.147.000.000	3.147.000.000	-	3.147.000.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng ICC BIG	534.017.688	-	534.017.688	534.017.688	-	534.017.688
Công ty CP Hudland Thương mại và Dịch vụ	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty CP Capella Việt Nam	500.000.000	(213.759.791)	286.240.209	500.000.000	(213.759.791)	286.240.209
Công ty CP Đầu tư King's Land	2.549.452.260	(194.224.051)	2.355.228.209	2.549.452.260	(151.609.419)	2.397.842.841
Công ty CP Western River (4)	-	-	-	1.800.000.000	(206.894.707)	1.593.105.293
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam (6)	400.000.000	-	400.000.000	-	-	-
Cộng	144.224.486.092	(12.527.847.308)	131.696.638.784	118.530.102.143	(10.780.646.614)	107.749.455.529

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do không có giá giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Các Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty con và công ty liên kết trong năm

- Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana: Thi công công trình.
- Công ty CP Xây dựng Cotana: Thi công công trình.
- Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana: Thuê dịch vụ.
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital: Trong năm, Công ty đã tăng vốn vào Công ty con này. Giao dịch chủ yếu là thi công công trình.
- Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana: Thi công công trình.
- Công ty TNHH Kính Thành Nam: Không phát sinh giao dịch.
- Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam: Thuê dịch vụ.
- Công ty TNHH BMS Thành Nam: Thuê dịch vụ.
- Công ty CP Kiến trúc và Cảnh quan Cotana Green: Thi công công trình.

Thông tin bổ sung khác

- (1) Trong năm, Công ty góp thêm số vốn góp vào Công ty CP Xây dựng Cotana là 2.494.383.949 đồng theo cam kết góp vốn, làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty từ 60,18% thành 51%.
- (2) Trong năm, Công ty góp thêm số vốn góp vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 25.000.000.000 đồng theo cam kết góp vốn, làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi góp thêm vốn từ 74,1% lên thành 76,38%.
- (3) Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư phát triển Bất động sản Hudland gồm 60.000.000 VND là của Công ty CP Tập đoàn Cotana và 3.087.000.000 VND là của Ông Đào Ngọc Thanh theo Ủy quyền ngày 10/10/2014 của Ông Đào Ngọc Thanh cho Công ty CP Tập đoàn Cotana đứng tên.
- (4) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Western River bao gồm vốn góp thực tế: 1,8 tỷ và quyền góp phần vốn còn lại: 16,2 tỷ cho Công ty Cổ phần Ivland theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, quyền góp vốn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Western River.
- (5) Trong năm, Công ty Cổ phần Kiến trúc và Nội thất Thành Nam tăng vốn điều lệ từ 2.000.000.000 đồng lên 10.000.000.000 đồng, làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty từ 20% thành 4%.

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội	43.246.705.683	-	101.346.521.835	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty CP Tập đoàn Ecopark	18.602.899.442	-	49.708.770.339	-
Công ty CP Tập đoàn TELIN	37.973.135.184	-	46.548.250.375	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	-	-	47.225.191.222	-
Công ty CP Môi trường năng lượng Thăng Long	27.388.679.925	-	-	-
Công ty Cổ phần Ivlанд	23.057.405.657	-	-	-
Các đối tượng khác	87.069.581.845	(11.092.257.329)	124.488.024.319	(7.791.946.727)
Cộng	237.338.407.736	(11.092.257.329)	369.316.758.090	(7.791.946.727)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH Kinh doanh vật tư và Vận chuyển Hà Trang	3.674.257.321	3.674.257.321
Các đối tượng khác	608.266.973	682.225.304
Cộng	4.282.524.294	4.356.482.625

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2020 VND		01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital (3)	100.000.000.000	-	-	-
Cộng	100.000.000.000	-	-	-

b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3.

(3) Khoản phải thu về cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital vay số tiền 100 tỷ đồng, lãi suất 0%/năm, thời hạn cho vay 10 ngày theo hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐV-CNG ngày 28/12/2020

6. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	62.828.062.890	-	55.700.617.744	-
Phải thu khác	48.282.098.584	-	46.926.979.107	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển BB (1)	18.929.875.000	-	18.929.875.000	-

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB (1)	12.858.125.000	-	12.858.125.000	-
Công ty CP Xây dựng Kiều Lê (2)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	6.776.385.042	-	6.773.318.042	-
Các đối tượng khác	4.717.713.542	-	3.365.661.065	-
Tạm ứng	13.582.793.075	-	8.001.089.271	-
Nguyễn Công Hiền	6.748.800.000	-	6.748.800.000	-
Xí nghiệp 10	4.916.952.586	-	-	-
Các đối tượng khác	1.917.040.489	-	1.252.289.271	-
Dư nợ TK 3381	4.129.557	-	-	-
Dư nợ TK 3383	208.265.159	-	22.549.366	-
Dư nợ TK 3388	750.776.515	-	750.000.000	-
Nguyễn Việt Anh	500.000.000	-	500.000.000	-
Đào Tuyết Trinh	250.000.000	-	250.000.000	-
Các đối tượng khác	776.515	-	-	-
b) Dài hạn	1.390.990.438	-	1.390.990.438	-
Phải thu khác	1.186.990.438	-	1.186.990.438	-
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera	1.186.990.438	-	1.186.990.438	-
Ký cược, ký quỹ	204.000.000	-	204.000.000	-
Cộng	62.828.062.890	-	55.700.617.744	-

(1) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển BB và Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển DB về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Comaland đầu tư và phát triển bất động sản mà Công ty CP Tập đoàn Cotana đã được các cá nhân ủy thác đầu tư và chuyển nhượng vốn góp đầu tư tại Công ty CP Comaland đầu tư và phát triển bất động sản. Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa thu hồi được khoản chuyển nhượng vốn góp này để trả cho các nhà đầu tư cá nhân đã ủy thác.

(2) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng Kiều Lê để thực hiện dự án khu nhà ở Kiều Lê theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 113/2018/HĐHT/Kieule - Cotana ngày 20/04/2018.

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng				
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Cotaland	7.545.660.891	4.951.962.624	7.545.660.891	4.951.962.624

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1	527.666.305	-	527.666.305	-
Công ty CP Xây dựng số 2	1.703.957.954	-	1.703.957.954	-
Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị	1.533.669.507	-	1.659.669.000	-
Công ty TNHH NN MTV - Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị	286.082.004	-	286.082.004	-
Cục thuế tỉnh Yên Bái	594.398.791	-	594.398.791	-
Công ty Phát triển số 1- TNHH MTV	1.574.946.164	472.483.849	1.574.946.164	1.574.946.164
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland	3.441.611.192	1.117.763.412	3.441.611.192	3.441.611.192
Các đối tượng khác	625.705.932	199.231.526	625.705.932	199.231.526
Cộng	17.833.698.740	6.741.441.411	17.959.698.233	10.167.751.506

8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	28.600.936.397	-	32.438.095.830	-
Cộng	28.600.936.397	-	32.438.095.830	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hạng mục thi công tuyến đường trung tâm TT1 và TT2 Ecogarden Huế; hạng mục thi công phần thô, hoàn thiện và cơ điện nhà CLB 1C; thi công hạ tầng kỹ thuật Phase 1A dự án Ecogarden Huế, hạng mục thi công xây dựng công trình biệt thự Camellia Huế ... và các công trình do Công ty làm nhà thầu xây dựng.

9. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	663.407.196	2.237.813.283
Cộng	663.407.196	2.237.813.283

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2020	41.691.975.460	12.223.405.790	11.520.304.131	1.241.613.968	1.289.000.000	67.966.299.349	
Mua trong năm	-	-	-	68.181.818	-	68.181.818	
Số dư ngày 31/12/2020	41.691.975.460	12.223.405.790	11.520.304.131	1.309.795.786	1.289.000.000	68.034.481.167	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2020	9.905.730.192	9.812.520.389	5.473.192.304	1.224.666.886	1.289.000.000	27.705.109.771	
Khấu hao trong năm	1.217.057.920	463.937.397	1.419.655.466	28.674.658	-	3.129.325.441	
Số dư ngày 31/12/2020	11.122.788.112	10.276.457.786	6.892.847.770	1.253.341.544	1.289.000.000	30.834.435.212	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2020	31.786.245.268	2.410.885.401	6.047.111.827	16.947.082	-	40.261.189.578	
Tại ngày 31/12/2020	30.569.187.348	1.946.948.004	4.627.456.361	56.454.242	-	37.200.045.955	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 32.930.286.572 VND (tại ngày 31/12/2019 là 34.478.193.888 VND)

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.485.801.162 VND (tại ngày 31/12/2019 là 10.919.306.199 VND)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2020	3.153.499.999	57.743.990	3.211.243.989
Mua trong năm	-	86.225.000	86.225.000
Số dư ngày 31/12/2020	3.153.499.999	143.968.990	3.297.468.989
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2020	-	57.743.990	57.743.990
Khấu hao trong năm	-	4.694.472	4.694.472
Số dư ngày 31/12/2020	-	62.438.462	62.438.462
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	3.153.499.999	-	3.153.499.999
Tại ngày 31/12/2020	3.153.499.999	81.530.528	3.235.030.527

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.153.499.999 VND (tại ngày 31/12/2019 là 3.153.499.999 VND)

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.743.990 VND (tại ngày 31/12/2019 là 57.743.990 VND)

12. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại vận tải Chính Hưng	8.659.034.833	8.659.034.833	10.374.298.566	10.374.298.566
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	5.990.361.704	5.990.361.704	21.344.209.025	21.344.209.025
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây lắp Việt Nam	6.342.633.088	6.342.633.088	30.505.470.711	30.505.470.711
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	18.982.979.234	18.982.979.234	26.129.865.434	26.129.865.434
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Vận tải Sơn Hà	12.862.230.918	12.862.230.918	-	-
Các đối tượng khác	74.392.901.803	74.392.901.803	107.821.600.644	107.821.600.644
Cộng	127.230.141.580	127.230.141.580	196.175.444.380	196.175.444.380

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

13. Người mua trả tiền trước

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2020	01/01/2020
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Chế biến gỗ Vượng Phát	-	27.306.363
Công ty TNHH Nippon Plumbing Engineering Việt Nhật	12.037.218	47.037.218

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty CP Xây dựng và Nội thất Remak			315.897.285	-
Đình Thị Minh Hằng			10.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital			63.534.876.336	-
Các đối tượng khác			147.008.339	6.295.285
Cộng			74.009.819.178	80.638.866
14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				Đơn vị tính: VND
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	3.167.311.655	2.671.209.726	5.838.521.381	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.056.336.421	2.020.424.468	1.203.302.507	1.873.458.382
Thuế thu nhập cá nhân	679.205.303	405.067.934	570.436.630	513.836.607
Các loại thuế khác	-	6.318.604	6.318.604	-
Cộng	4.902.853.379	5.103.020.732	7.618.579.122	2.387.294.989
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	-	-	2.588.837.317	2.588.837.317
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	161.551.382	178.456.096	178.456.096	161.551.382
Cộng	161.551.382	178.456.096	2.767.293.413	2.750.388.699
15. Chi phí phải trả			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Ngắn hạn				
Trích trước khối lượng công trình hoàn thành			9.488.800.031	10.038.429.899
Trích trước chi phí mua nhà Dự án Viglacera			-	5.570.336.810
Trích trước chi phí lãi vay			-	81.613.539
Cộng			9.488.800.031	15.690.380.248
16. Phải trả khác			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
a) Ngắn hạn			47.986.836.138	52.795.315.751
Kinh phí công đoàn			92.878.218	99.610.008
Bảo hiểm y tế			68.059.446	-
Bảo hiểm thất nghiệp			30.196.878	-
Dư có TK 138			68.739.455	-
Dư có TK 141			1.381.737.948	8.283.824.104
Xí nghiệp Xây dựng số 2			713.609.663	3.713.609.663
Xí nghiệp 10			-	2.840.966.793
Các đối tượng khác			668.128.285	1.729.247.648

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả khác	46.345.224.193	44.411.881.639
<i>Phạm Mạnh Long (1)</i>	25.804.500.000	25.804.500.000
<i>Lê Thị Vân Anh (1)</i>	5.983.500.000	5.983.500.000
<i>Nguyễn Thế Vinh (3)</i>	7.500.000.000	7.500.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	7.057.224.193	5.123.881.639
b) Dài hạn	10.241.278.797	10.241.278.797
Đào Ngọc Thanh (2)	8.206.616.484	8.206.616.484
Đặng Thu Vịnh	94.721.170	94.721.170
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Thành Nam	204.000.000	204.000.000
Khách hàng của Sản bất động sản Thành Nam	1.235.941.143	1.235.941.143
Nguyễn Nam Cường	500.000.000	500.000.000
Cộng	58.228.114.935	63.036.594.548

(1) Là khoản phải trả các cá nhân tiền chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản mà các cá nhân đã ủy thác cho Công ty CP Tập đoàn Cotana góp vốn và chuyển nhượng vốn tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản.

(2) Khoản phải trả Ông Đào Ngọc Thanh phản ánh số tiền mà ông Đào Ngọc Thanh đã ủy thác để Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (đã đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn Cotana) đầu tư vào cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland và các khoản đầu tư vào các dự án của Công ty.

(3) Là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital theo Thỏa thuận góp vốn ngày 31/01/2019 giữa ông Nguyễn Thế Vinh và Công ty CP Tập đoàn Cotana.

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

17. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.232.659.916	106.856.877
Tiền thuê văn phòng nhận trước	1.232.659.916	106.856.877
<i>Các đối tượng khác</i>	1.232.659.916	106.856.877
b) Dài hạn	20.367.948.143	21.251.478.088
Tiền thuê văn phòng nhận trước	20.367.948.143	21.251.478.088
<i>Đỗ Văn Bình</i>	3.088.178.981	3.255.107.573
<i>Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana</i>	1.848.931.383	1.951.643.387
<i>Công ty CP Xây dựng Cotana</i>	1.180.444.177	1.246.024.397
<i>Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu Thành Nam</i>	3.756.522.637	3.961.410.637
<i>Công ty CP Đầu tư Landcom</i>	1.204.642.144	1.269.757.936
<i>Công ty TNHH Công nghệ hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng</i>	4.798.419.996	4.879.052.000
<i>Công ty CP Đầu tư xây dựng ICC BIG</i>	2.445.068.091	2.530.442.231
<i>Các đối tượng khác</i>	2.045.740.734	2.158.039.927
Cộng	21.600.608.059	21.358.334.965

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. Vay

	31/12/2020			Trong năm			01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
a) Vay ngắn hạn	80.498.532.756	80.498.532.756	138.490.308.036	143.756.028.128	85.764.252.848	85.764.252.848	85.764.252.848		
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>50.858.332.764</i>	<i>50.858.332.764</i>	<i>99.950.108.041</i>	<i>119.766.828.133</i>	<i>70.675.052.856</i>	<i>70.675.052.856</i>	<i>70.675.052.856</i>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (1)	50.858.332.764	50.858.332.764	99.950.108.041	119.766.828.133	70.675.052.856	70.675.052.856	70.675.052.856		
<i>Vay ngắn hạn cá nhân (5)</i>	<i>28.701.000.000</i>	<i>28.701.000.000</i>	<i>37.601.000.000</i>	<i>23.050.000.000</i>	<i>14.150.000.000</i>	<i>14.150.000.000</i>	<i>14.150.000.000</i>		
Đình Thị Minh Hằng	1.000.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000	8.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000		
Trần Trọng Đại	27.701.000.000	27.701.000.000	34.601.000.000	15.050.000.000	8.150.000.000	8.150.000.000	8.150.000.000		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>939.199.992</i>	<i>939.199.992</i>	<i>939.199.995</i>	<i>939.199.995</i>	<i>939.199.992</i>	<i>939.199.992</i>	<i>939.199.992</i>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (1)	259.200.000	259.200.000	259.200.000	259.200.000	259.200.000	259.200.000	259.200.000		
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội (2)	339.999.996	339.999.996	339.999.999	339.999.999	339.999.996	339.999.996	339.999.996		
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long (3)	339.999.996	339.999.996	339.999.996	339.999.996	339.999.996	339.999.996	339.999.996		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***(1) Khoản vay theo các hợp đồng:**

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/1654947/HĐTĐ ngày 15/07/2019 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội có hạn mức tín dụng 270.000.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng). Lãi suất và thời hạn được quy định theo từng lần khế ước. Tài sản bảo đảm của khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/1654947/HĐTĐ ngày 01/10/2019. Số tiền vay 1.295.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu đồng), lãi suất vay 8,8%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe Ô tô Mercedes - Benz E200 - 5 chỗ theo Hợp đồng bán hàng số 644/2019/HDBH-HN ngày 19/09/2019. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ khoản vay và các tài sản khác theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

(2) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 1110/2017/HĐTĐ/TTBMB/01 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội. Khoản vay với số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), lãi suất 7,8%/năm với mục đích mua xe ô tô For Explorer và được đảm bảo bằng chính xe ô tô đó. Thời hạn vay 60 tháng.

(3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 954/2018/HĐTĐ/LDM/01 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long. Khoản vay với số tiền 2.181.000.000 đồng lãi suất 8,9%/năm với mục đích mua xe ô tô Kia Sedona; xe ô tô Samco Felix và được đảm bảo bằng chính xe ô tô đó. Thời hạn vay 60 tháng.

(4) Các khoản vay của các cá nhân có kỳ hạn và lãi suất được quy định cụ thể trên từng hợp đồng. Mục đích của các khoản vay là để bổ sung vốn lưu động và không có tài sản đảm bảo.

(5) Khoản vay theo hợp đồng vay tiền số 01FSC/2019/HĐV-CNG ngày 09/04/2019 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Quỹ hỗ trợ sinh viên tài năng ngành xây dựng. Số tiền vay là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) với lãi suất 8%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 31/12/2024. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động và không có tài sản đảm bảo.

c) Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	205.000.000.000	651.034.891	36.538.914.176	242.189.949.067
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	38.364.104.311	38.364.104.311
Phân phối các quỹ	-	-	(5.229.845.096)	(5.229.845.096)
Chia cổ tức	-	-	(20.500.000.000)	(20.500.000.000)
Giảm khác	-	(140.000.000)	-	(140.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	205.000.000.000	511.034.891	49.173.173.391	254.684.208.282
Tăng vốn trong năm nay (*)	10.248.690.000	-	-	10.248.690.000
Lỗ trong năm nay	-	-	19.426.659.975	19.426.659.975

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	-	-	(10.248.690.000)	(10.248.690.000)
Phân phối các quỹ	-	-	(7.672.820.862)	(7.672.820.862)
Giảm khác (**)	-	(1.310.000)	-	(1.310.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	215.248.690.000	509.724.891	50.678.322.504	266.436.737.395

(*) Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5% (100:5 - mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 5 cổ phiếu mới) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020-NQ/ĐHĐCĐ-CNG ngày 26 tháng 06 năm 2020. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 10.248.690.000 VND. Ngày 14 tháng 09 năm 2020, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 215.248.690.000 VND.

(**) Chi phí phát hành cổ phiếu

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Huỳnh Thị Mai Dung	42.431.100.000	40.410.580.000
Trần Văn Năm	14.724.860.000	14.023.680.000
Đào Ngọc Thanh	52.674.670.000	40.191.360.000
Các cổ đông khác	105.418.060.000	110.374.380.000
Cộng	215.248.690.000	205.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	215.248.690.000	205.000.000.000
Vốn góp đầu năm	205.000.000.000	205.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	10.248.690.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	215.248.690.000	205.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.248.690.000	20.500.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.524.869	20.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.524.869	20.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.524.869	20.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.524.869	20.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.524.869	20.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

e) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2020	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	6.882.569.627	3.836.410.431	-	10.718.980.058
Cộng	6.882.569.627	3.836.410.431	-	10.718.980.058

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	612,95	692,93

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.799.079.184	5.986.610.493
Doanh thu hợp đồng xây dựng	153.840.931.520	489.097.759.216
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	7.161.570.111	20.082.239.769
Cộng	167.801.580.815	515.166.609.478

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.810.318.607	4.348.877.360
Giá vốn hợp đồng xây dựng	147.507.306.144	457.510.319.354
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	8.093.386.428	18.571.752.187
Cộng	158.411.011.179	480.430.948.901

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.594.686.331	2.756.793.633
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.018.798.500	29.838.945.000
Lãi nhượng bán cổ phần	27.000.000.000	-
Cộng	35.613.484.831	32.595.738.633

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

4. Chi phí tài chính	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.132.401.422	6.708.914.776
Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	1.747.200.694	1.295.210.915
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP ECO Vân Phong	-	56.755.847
Cộng	7.879.602.116	8.060.881.538
5. Thu nhập khác	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Xử lý công nợ	9.521	512.383
Cộng	9.521	512.383
6. Chi phí khác	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi nộp phạt thuế	3.318.604	172.350.802
Truy thu thuế	-	92.552.146
Chi phí khác	-	40
Cộng	3.318.604	264.902.988
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	7.474.151.666	11.905.129.951
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	3.500.000	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	432.264.820	564.841.412
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.927.850.588	1.996.966.300
Thuế, phí, lệ phí	425.953.276	222.751.550
Chi phí dự phòng	3.300.310.602	29.046.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	518.862.787	579.216.586
Chi phí bằng tiền khác	1.591.165.086	2.445.952.356
Cộng	15.674.058.825	17.743.904.155
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	130.997.498.784	324.679.212.844
Chi phí nhân công	18.074.843.185	91.875.853.013
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.134.019.913	3.216.208.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.812.222.215	579.216.586

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Chi phí khác bằng tiền	6.114.542.034	30.465.637.949
Cộng	171.133.126.131	450.816.128.510

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	22.378.900.760	39.751.735.330
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	7.018.799.700	30.254.570.454
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.318.604	1.388.860.081
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(931.816.317)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	14.431.603.347	10.886.024.957
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành	2.886.320.669	2.177.204.991
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm (*)	865.896.201	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	418.816.094
Hoạt động chuyển nhượng bất động sản		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(931.816.317)	1.510.487.582
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	931.816.317	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.510.487.582
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm hiện hành	-	302.097.516
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.020.424.468	2.898.118.601

(*) Giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 - Quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty CP Tập đoàn Cotana theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
- Chuyển khoản công nợ thành vốn góp	-	49.452.260
2. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	138.423.680.832	243.008.640.936
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	144.519.067.349	207.345.697.891

VIII Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana

Công ty con

Công ty CP Xây dựng Cotana

Công ty con

Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana

Công ty con

Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital

Công ty con

Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana

Công ty con

Công ty TNHH Kính Thành Nam

Công ty liên kết

Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam

Công ty liên kết

Công ty TNHH BMS Thành Nam

Công ty liên kết

Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green

Công ty liên kết

Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam

Bên nhận góp vốn

Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland (*)

Bên nhận góp vốn

Công ty CP Đầu tư King's Land (**)

Bên nhận góp vốn

Ông Đào Ngọc Thanh

Chủ tịch HĐQT

Ông Đoàn Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Bà Đinh Thị Minh Hằng

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc tài chính

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Phó Tổng giám đốc phụ trách nhân sự

Ông Trần Trọng Đại

Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bà Đặng Thu Vịnh

Người có liên quan với ông Đào Ngọc Thanh

(*) Bà Đinh Thị Minh Hằng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland.

(**) Ông Đào Ngọc Thanh đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư King's Land.

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu	73.688.864.074	146.589.509.008
Công ty CP Xây dựng Cotana	210.376.099	308.770.700
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	434.747.160	381.896.484
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	94.029.510	77.616.367
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	72.011.216.106	143.428.928.566
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	170.752.026	173.517.974
Công ty TNHH BMS Thành Nam	139.885.170	141.754.610
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	505.259.971	1.190.808.996
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	122.598.032	64.938.038
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland	-	821.277.273
Mua hàng	48.655.898.628	82.126.762.132
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	21.780.587.219	37.775.138.563
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	4.511.597.317	4.592.786.768
Công ty CP Xây dựng Cotana	8.869.185.910	15.266.873.164
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	13.494.528.182	24.491.963.637
Vay	37.910.965.842	48.268.510.721
Ông Đào Ngọc Thanh	306.443.159	3.548.193.985
Bà Đinh Thị Minh Hằng	3.003.522.683	6.003.258.026
Ông Trần Trọng Đại	34.601.000.000	30.050.000.000
Bà Đặng Thu Vịnh	-	8.667.058.710
Chi phí lãi vay	309.965.842	457.839.340
Ông Đào Ngọc Thanh	306.443.159	215.057.404
Bà Đinh Thị Minh Hằng	3.522.683	3.258.026
Bà Đặng Thu Vịnh	-	239.523.910
Cổ tức và lợi nhuận được chia	7.018.798.500	29.838.945.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	-	15.768.045.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland	-	36.000.000
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	7.018.798.500	13.968.900.000
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	-	66.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***c) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>11.628.037.239</i>	<i>58.351.706.993</i>
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	2.660.882.603	2.444.591.046
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	150.433.613	88.703.336
Ông Đào Ngọc Thanh	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	552.931.177	552.931.177
Công ty CP Đầu tư phát triển bất động sản Hudland	3.441.611.192	3.553.869.756
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	18.986.100	8.555.923
Công ty CP Xây dựng Cotana	235.375.778	140.031.191
Công ty TNHH BMS Thành Nam	5.586.982	9.415.818
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	1.870.911.176	1.714.333.779
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	191.318.618	114.083.745
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	-	47.225.191.222
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>99.522.000</i>	<i>99.522.000</i>
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	99.522.000	99.522.000
<i>Người mua trả tiền trước</i>	<i>63.534.876.336</i>	<i>-</i>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	63.534.876.336	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>107.051.785.042</i>	<i>7.048.718.042</i>
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	6.776.385.042	6.773.318.042
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	100.000.000.000	-
Công ty TNHH BMS Thành Nam	7.300.000	7.300.000
Ông Đoàn Văn Tuấn	268.100.000	268.100.000
<i>Tạm ứng</i>	<i>1.056.296.934</i>	<i>737.734.585</i>
Ông Trần Trọng Đại	10.382.279	68.386.240
Bà Đinh Thị Minh Hằng	404.814.655	394.248.345
Ông Đoàn Văn Tuấn	121.100.000	275.100.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	520.000.000	-
<i>Phải trả người bán</i>	<i>36.141.705.183</i>	<i>57.721.895.133</i>
Công ty TNHH Kính Thành Nam	3.573.176.543	3.573.176.543
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	5.990.361.704	21.344.209.025
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	1.763.588.799	2.354.668.539
Công ty CP Xây dựng Cotana	5.553.603.100	4.041.979.789
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	18.982.979.234	26.129.865.434
Công ty TNHH BMS Thành Nam	277.995.803	277.995.803
<i>Doanh thu chưa thực hiện</i>	<i>5.255.017.373</i>	<i>5.362.387.226</i>
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	1.900.287.387	1.951.643.387
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	925.385.394	949.737.642

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	39.605.370	6.679.515
Công ty Cổ phần Xây dựng Cotana	1.213.234.285	1.246.024.397
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Cotana	752.185.974	772.515.322
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	424.318.963	435.786.963
Phải trả khác	8.301.337.654	8.301.337.654
Ông Đào Ngọc Thanh	8.206.616.484	8.206.616.484
Bà Đặng Thu Vịnh	94.721.170	94.721.170
Các khoản vay	32.155.747.464	15.755.299.044
Bà Đinh Thị Minh Hằng	1.046.024.566	6.042.678.018
Ông Đào Ngọc Thanh	3.408.722.898	3.712.621.026
Ông Trần Trọng Đại	27.701.000.000	6.000.000.000

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

		Năm 2020
		VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc		1.450.140.028
Đoàn Văn Tuấn	Tổng giám đốc	334.537.776
Đinh Thị Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc - giám đốc tài chính	261.594.684
Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Phó Tổng giám đốc kinh tế	229.397.333
Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc phụ trách nhân sự	258.072.001
Trần Quang Quyền	Phó Tổng giám đốc	269.584.616
Phạm Hoàng Long	Phó Tổng giám đốc	96.953.618
Thu nhập của Kế toán trưởng		172.048.002
Trần Trọng Đại		172.048.002
Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị		1.068.000.000
Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch	600.000.000
Nguyễn Đỗ Lăng	Phó chủ tịch	120.000.000
Đào Thu Thủy	Phó chủ tịch	348.000.000
Cộng		2.690.188.030

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.18. trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản vay	93.081.797.147	99.177.183.664
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	71.588.812.721	40.728.524.596
Nợ thuần	21.492.984.426	58.448.659.068
Vốn chủ sở hữu	277.155.717.453	261.566.777.909
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	8%	22%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.588.812.721	40.728.524.596
Phải thu khách hàng và phải thu khác	290.465.203.735	418.616.419.545
Các khoản đầu tư tài chính	7.886.240.835	34.860.887.501
Cộng	369.940.257.291	494.205.831.642

Công nợ tài chính

Các khoản vay	93.081.797.147	99.177.183.664
Phải trả người bán và phải trả khác	185.458.256.515	259.212.038.928
Chi phí phải trả	9.488.800.031	15.690.380.248
Cộng	288.028.853.693	374.079.602.840

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp Phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện Phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	175.216.977.718	10.241.278.797	185.458.256.515
Chi phí phải trả	9.488.800.031	-	9.488.800.031
Các khoản vay	80.498.532.756	12.583.264.391	93.081.797.147
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	248.970.760.131	10.241.278.797	259.212.038.928
Chi phí phải trả	15.690.380.248	-	15.690.380.248
Các khoản vay	85.764.252.848	13.412.930.816	99.177.183.664

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2020</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1 - 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.588.812.721	-	71.588.812.721
Các khoản đầu tư tài chính	16.200	7.886.224.635	7.886.240.835
Phải thu khách hàng và phải thu khác	289.074.213.297	1.390.990.438	290.465.203.735
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
<u>01/01/2020</u>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.728.524.596	-	40.728.524.596
Các khoản đầu tư tài chính	25.000.016.200	9.860.871.301	34.860.887.501
Phải thu khách hàng và phải thu khác	417.225.429.107	1.390.990.438	418.616.419.545

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu



Trần Thị Yến

Kế toán trưởng



Trần Trọng Đại



Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 04/2021/UQ-CNG)